

# Hoạt động kinh tế của tư sản người Việt ở Nam kỳ trước Chiến tranh thế giới lần thứ nhất

**Nguyễn Thế Hồng**

*Trường Đại học Đồng Tháp*

**Trần Xuân Hiệp**

*Trường Đại học Duy Tân*

*Email liên hệ: hiepdhdt@gmail.com*

**Tóm tắt:** Tư sản người Việt ở Nam kỳ trước năm 1914 tham gia vào nhiều lĩnh vực sản xuất và kinh doanh với phương thức đa dạng như tự thành lập, tổ chức liên kết với tư sản trong và ngoài nước. Mặc dù, phải chịu sự cạnh tranh, chèn ép bởi tư sản nước ngoài nhưng qua các hoạt động kinh tế đã để lại nhiều bài học quý báu cho bản thân tư sản người Việt, trong đó nổi bật là các giá trị thuộc về đạo đức kinh doanh như làm giàu chính đáng, biết giữ chữ tín, chú trọng chất lượng sản phẩm.

**Từ khóa:** kinh tế; tư sản; người Việt; Nam kỳ; năm 1914.

## **Economic activities of Vietnamese bourgeoisie in Southern Vietnam before World War I**

**Abstract:** Before 1914, Vietnamese bourgeoisie in Southern Vietnam (also known as French Cochinchina) participated actively in producing and trading with various forms such as self-employment or in association with other domestic and foreign bourgeoisie. Despite being competed, hindered, and blocked by foreign bourgeoisie through trading, Vietnamese bourgeoisie learnt valuable lessons, particularly values of business ethics such as legal and legitimate businesses, prestige, and product quality.

**Keywords:** economics; bourgeoisie; the Vietnamese; French Cochinchina; 1914.

**Ngày nhận bài:** 01/03/2021

**Ngày duyệt đăng:** 10/06/2021

### **1. Đặt vấn đề**

Nửa cuối thế kỷ XIX, trước nguy cơ trở thành thuộc địa của thực dân phương Tây, nhiều nước châu Á vượt qua rào cản xã hội đương thời chọn con đường cải cách, duy tân và thành công, như Nhật Bản là trường hợp điển hình; một số nước khác chọn cách “đóng cửa” và kết quả là trở thành thuộc địa. Việt Nam trở thành thuộc địa của thực dân Pháp và con đường cứu nước bằng bạo động vũ trang không thành công, vì thế nhiều sĩ phu yêu nước tiến bộ đề xuất canh tân đất nước. Tư tưởng canh tân xuất phát từ việc chịu ảnh hưởng, tiếp thu những tiến bộ của văn minh phương Tây và hơn nữa tấm gương Duy Tân thành công của một số nước châu Á là minh chứng để một số nhà tư tưởng Việt Nam noi theo. Đầu thế kỷ XX, khí thế Duy Tân ở Bắc kỳ và Trung kỳ nhanh chóng lan rộng và ảnh hưởng đến các chí sĩ Nam kỳ. Nam kỳ là thuộc địa sớm nhất của thực dân Pháp ở Đông Dương, chiếm đến đầu thực dân cho tiến

hành khai thác đến đó, vì thế tư tưởng dân chủ tư sản phương Tây sớm ảnh hưởng đến vùng đất này. Khi trở thành phong trào, các nhà Minh Tân chú trọng nhất hoạt động chấn hưng kinh tế, vì nó là chìa khóa tạo nên sức mạnh tổng hợp quốc gia, gương Duy Tân của Nhật Bản được phổ biến một cách rộng rãi trên báo chí. Sau đó, tư tưởng chấn hưng kinh tế đi vào thực tiễn bằng các hoạt động cụ thể. Kết quả cao nhất mà phong trào đặt ra là đánh đổ thực dân, giành độc lập cho dân tộc nhưng không đạt được, tuy nhiên *"gây được niềm tin cho dân Việt: giữ vững lập trường dân tộc, khai phóng, không bài ngoại. Bằng những việc làm cụ thể, họ đã tích cực xây dựng một nền văn hóa dân tộc, làm nền tảng cho con cháu sau này phát triển thêm"* (Sơn Nam, 2015, tr.55).

Phong trào Minh Tân tạo nên sự chuyển biến tư duy kinh tế mới trong một bộ phận người dân Nam kỳ, sự xâm nhập của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa làm xuất hiện thêm các giai tầng mới hoặc chuyển đổi thân phận của tầng lớp cũ để tham gia vào guồng máy sản xuất theo hướng tư bản, dù mục đích tham gia kinh doanh khác nhau nhưng họ góp phần quan trọng trong định hình kinh tế - xã hội Nam kỳ thời Pháp thuộc. Theo nguồn gốc, tư sản người Việt ở Nam kỳ gồm có: chủ xưởng sản xuất, thương nhân, thầu khoán, sĩ phu yêu nước tiến bộ và quan lại, điền chủ.

Từ tác động của Chương trình khai thác thuộc địa lần thứ Nhất (1897 – 1914) tạo điều kiện chủ quan và khách quan để tư sản người Việt ở Nam kỳ tham gia vào nhiều hoạt động sản xuất, kinh doanh. Nếu so sánh với tư sản nước ngoài ở Nam kỳ thời gian này, thì mức độ đầu tư vốn, cơ sở kinh doanh của người Việt còn khá khiêm tốn, tuy nhiên họ góp phần chuyển đổi và tham gia tổ chức các hoạt động kinh tế bằng phương thức mới lần đầu xuất hiện ở đây.

## **2. Một số hoạt động kinh tế tiêu biểu của tư sản người Việt ở Nam kỳ trước năm 1914**

**Nông nghiệp:** từ những năm đầu thế kỷ XX, thực dân Pháp kết hợp với điền chủ bản xứ đẩy mạnh việc thành lập và khai thác các đồn điền, như Cần Thơ "đồn điền của người Pháp ở tỉnh Cần Thơ chỉ chiếm gần 12% diện tích đất canh tác. Tầng lớp điền chủ người Việt ở tỉnh Cần Thơ cũng sở hữu nhiều diện tích đất đai rộng lớn" (Trần Minh Thuận, 2018, tr. 67); ở Bạc Liêu trước năm 1914 có các đại điền chủ như Vưu Tụng, Chủ Đống, Chủ Xiệp, Trương Đại Danh, Trần Trinh Trạch; ở Sóc Trăng có bà Phủ An, Nguyễn Tấn Phát, Nguyễn Tấn Lợi; Bến Tre có Huỳnh Ngọc Khiêm (Hương Liêm), Nguyễn Duy Hình (Phủ Kiểng), Phó Hoài (Hội đồng Hoài), Trần Đắc Lý; vùng Đồng Tháp Mười có gia đình ông Huyện Sĩ (gồm Lê Phát Thanh, Lê Phát Vinh, Lê Thị Bính). Một số điền chủ người Việt ở Nam kỳ tham gia vào các Hội nông nghiệp như Trần Văn Kem tham gia "Hội nông nghiệp, thương mại và công nghiệp Rạch Giá", Nguyễn Duy Hình, Trần Văn Hữu, Bùi Quang Chiêu tham gia "Hội nông nghiệp Pháp Việt". Về đồn điền cao su, người Việt được phép thành lập và khai thác *"trước năm 1901, đế quốc Pháp đã cho địa chủ Việt Nam lập 265 đồn điền ở Nam bộ rộng 18.000 mẫu tây, cái rộng nhất là 2.223 mẫu tây"* (Nguyễn Công Bình, 1959, tr. 60). Người Việt tham gia vào lĩnh vực đồn điền tăng dần, như năm 1910 tại tỉnh Bà Rịa có *"Lê Thành Long ở Đình Ba và Lê Văn 217ha, của Đồng Ngọc Khai ở Bình Ba 293ha, của Vương Quang Tôn ở La Văn, Bình Ba và Ngãi Giao 480ha, của Lý Bá Dung ở Long Phước 87ha, của Nguyễn Văn Cửa ở Bình Ba và Ngãi Giao 430ha"* (Nguyễn Đình Tư, 2016, tr. 45). Các đồn điền có sử dụng nhân công làm thuê, báo *Nông cổ mín đàm* (ngày 28/8/1901) đăng tin về việc thuê mướn công nhân lao động canh tác với giá tiền cụ thể trong ngày *"giá công nhật ở nông thôn lúc đó khoảng 0,3 đồng tương đương với 6kg thóc"* (Văn Tạo, 1990, tr. 26). Như vậy, trước năm

1914 tư sản ở Nam kỳ đại diện là điển chủ tham gia sở hữu ruộng đất và tổ chức hoạt động sản xuất nông nghiệp (phần lớn là trồng lúa và cao su) đã bước đầu sử dụng nhân công làm thuê.

*Thủ công nghiệp:* phần lớn sản xuất theo dạng hộ gia đình, quy mô nhỏ nên chưa xuất hiện nhiều nhà máy lớn sản xuất mang tính chuyên môn hóa của tư sản người Việt, chỉ có một số ít cá nhân như ở tỉnh Mỹ Tho có Nguyễn Thành Liêm chủ nhà máy ép dầu (1913) tại An Hóa “đó là một sự thích ứng nhanh chóng của giới tư sản bản xứ trong thời kỳ chuyển tiếp giữa hai thế hệ, hai cung cách suy nghĩ” (Sơn Nam, 2015, tr. 121). Đầu thế kỷ XX, các chí sĩ phong trào Minh Tân kêu gọi góp vốn thành lập các xưởng sản xuất, công ty nhằm chấn hưng kinh tế nước nhà. Nam kỳ Minh Tân công nghệ thành lập (1908) để phát triển các ngành nghề thủ công truyền thống như dệt vải, hàng lụa và phổ biến các nghề từ bên ngoài du nhập vào như làm thủy tinh, thuốc da, đóng giày tây, sản xuất xà phòng, hộp quẹt. Trong xay xát lúa gạo, một số tư sản người Việt đứng ra tự thành lập công ty và nhà máy như ở Mỹ Tho có nhà máy của Nguyễn Thành Liêm (năm 1912), nhà máy Khương Hữu (cầu Bạch Nha), Nguyễn Phú Khai.

*Kinh doanh:* trước năm 1914 đã có những bước phát triển nhất định, việc số tàu, thuyền ra vào cảng Sài Gòn phản ánh sự có mặt của họ. Thống kê vận tải đường dài ở Sài Gòn năm 1906 cho thấy “có 800 tàu hơi nước với trọng tải 1.363.000 tấn; buôn bán ven bờ trong năm có 845 thuyền buồm của người Hoa và người Việt với sức chuyên chở là 27.300 tấn” (Tạ Thị Thúy, 2013, tr. 31), các mặt hàng trao đổi đa dạng, phần lớn là nhu yếu phẩm tiêu dùng như muối, dầu dừa, đồ gốm, tơ lụa, đường,... trong đó hàng chiếm số lượng lớn trao đổi là lúa gạo. Trong sản xuất, một số nhà buôn nắm bắt cơ hội thành chủ xí nghiệp, trực tiếp thu mua nguyên liệu và sản xuất thành phẩm bán ra thị trường; một số khác sau thời gian tích lũy đã có vốn, tiến hành thành lập các công ty bao mua sản phẩm, khắp ba xứ đều có các hội buôn bán do tư sản người Việt thành lập. Ở Nam kỳ, có Nguyễn Thanh Liêm là chủ nhà máy xay xát ở Sài Gòn, ông đóng vai trò vừa là chủ xưởng sản xuất, vừa thực hiện trao đổi mua bán lúa gạo. Trương Văn Bền, vào năm 1901 tiếp nối nghề buôn truyền thống của gia đình, lúc đầu tạp hóa trong một cửa tiệm nhỏ (số 40 rue du Cambodge, Chợ Lớn). Công việc mở rộng, ông mua các loại hàng sỉ từ tư sản người Hoa rồi bán lại cho các tiệm bán lẻ ở Chợ Lớn. Đến năm 1905, mở xưởng sản xuất và tinh luyện dầu ở Thủ Đức, tiếp thu sự tiến bộ của kĩ thuật phương Tây trong sản xuất là dùng máy ép bằng hơi làm ở Mỹ, mua từ Pháp. Công việc kinh doanh đạt hiệu quả, Trương Văn Bền mở rộng kinh doanh nhiều ngành nghề khác như năm 1906 mở một nhà máy xay gạo ở Chợ Lớn và ở Rạch Các, một khách sạn và tiệm mỹ phẩm ở Chợ Lớn. *Liên quan đến kinh doanh nổi bật ở Nam kỳ thập niên đầu thế kỷ XX là những hoạt động do phong trào Minh Tân tổ chức. Nam kỳ Minh Tân công nghệ do Nguyễn Thành Út, Trần Chánh Chiếu đề xuất thành lập, sản xuất và buôn bán được một số mặt hàng. Hình thức kinh doanh dịch vụ khách sạn được giới điển chủ, công chức ở Nam kỳ ủng hộ vì quy mô và vốn đầu tư ít. Hoạt động kinh tế chịu ảnh hưởng bởi phong trào Minh Tân diễn ra khắp Nam kỳ từ Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định đến Sa Đéc, Mỹ Tho, Rạch Giá, Bạc Liêu.*

*Khai thác giao thông đường thủy:* trước năm 1914 là rất hạn chế, chỉ có một số ít người Việt có điều kiện tham gia như Nguyễn Văn Kiệu khai thác tuyến Trà Vinh; Nguyễn Văn Hảo khai thác tuyến Sài Gòn về các tỉnh miền Tây như Sài Gòn – Bạc Liêu, quy định giá vé đi tàu thủy một vé là 1 đồng 20 xu (gần bằng 1 gạ lúa lúc bấy giờ). Trong phong trào Minh Tân có nhiều trường hợp người Việt kêu gọi góp vốn như tri phủ Nguyễn Bá Phước (Bạc Liêu) kêu gọi

mua hai chiếc tàu chạy tuyến Đại Ngãi, Bạc Liêu, Cà Mau, mỗi hiệu góp 3 đồng và cần 3.000 đồng để mua tàu phục vụ người Việt; ở Mỹ Tho có Phủ Xứng kêu gọi lập công ty tàu đò. *Thầu phán*: báo *Lục tỉnh tân văn* từng tường thuật về một thầu phán ở Trà Vinh là điền chủ lớn Lâm Quang Thời, không trực tiếp tham gia phong trào Minh Tân nhưng gián tiếp ủng hộ phong trào thông qua việc cho phép ông Nguyễn Viên Kiều bao hóa (tức làm thầu) một số diện tích ruộng đất, với mức địa tô thấp, sau đó Nguyễn Viên Kiều cho nông dân thuê từng khoảnh nhỏ, thầu địa tô cao hơn. Hoạt động kinh tế theo hình thức bao thầu tạo ra giá trị thặng dư tương đối lớn, số thặng dư này được ông hỗ trợ phong trào Đông Du của Phan Bội Châu và Cường Để. *Nghề in*: một số nhà in sớm được thành lập ở Sài Gòn như họ đạo Tân Định; năm 1879 nhà in Phát Toán do Đinh Thái Sơn thành lập “ông Đinh Thái Sơn là người đầu tiên ở Nam kỳ lập một nhà xuất bản với vốn hoàn toàn tư riêng” (Nguyễn Văn Trung, 2015, tr. 619), về sau nhà in sang cho Nguyễn Văn Cửa và là chủ bút *Nhật báo tỉnh* (1905). Sài Gòn còn có nhà in Nguyễn Văn Viết (thành lập năm 1900) chủ yếu in truyện đóng sách. Ở Mỹ Tho đầu thế kỷ XX có nhà máy in Lumière (Ánh sáng) – ngày nay thuộc đường Đinh Bộ Lĩnh. Về tài chính: phong trào Minh Tân có đề xuất việc góp vốn lập tín dụng cho vay như ông Huỳnh Công Thiêu để xuất các thầy làm việc ở khu vực Sài Gòn – Chợ Lớn góp vốn thành lập hãng cho vay nhỏ. Năm 1906, ở Hương Cảng, Phan Bội Châu thành lập Việt Nam thương đoàn Công hội để góp vốn kinh doanh. Hội trưởng là Phạm Văn Tâm – người Nam kỳ, bằng sự hiểu biết, ông thường về Nam kỳ với danh nghĩa là mại bản cho các ngân hàng. Mặc dù hội chỉ hoạt động một thời gian nhưng phản ánh tinh thần dân tộc và sự tham gia hoạt động của bộ phận tư sản Nam kỳ vào phong trào yêu nước chung.

### 3. Phương thức tổ chức hoạt động kinh tế

#### *Thứ nhất, tự thành lập.*

Đầu thế kỷ XX, ở Chợ Lớn có Hội trưởng Trần Hữu Định tham gia nhiều lĩnh vực kinh doanh, thu lợi nhuận như mở tiệm cầm đồ, kinh doanh đất đai, xuất nhập vải sợi. Nguyễn Văn Cửa sở hữu nhà in “de l’Union”, Nguyễn Văn Viết tự tổ chức kinh doanh như đóng sách, in ấn, xuất bản báo chí. Phong trào chấn hưng kinh tế là biểu hiện tiêu biểu cho khả năng tự vận động của tư sản người Việt ở Nam kỳ đầu thế kỷ XX, thể hiện từ khâu vận động vốn, thành lập, tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm như Nam Trung khách sạn, Minh Tân khách sạn, Nam kỳ Minh Tân, Chiêu Nam lầu. Một số cơ sở kinh doanh nhỏ khác do người Việt thành lập như Nam Lợi – tiệm bán cơm An Nam môn bài ở Chợ Lớn; Nam Hòa Thạnh ở Biên Hòa; các công ty, tiệm kinh doanh ở Bến Tre do người Việt thành lập: tám căn phố An Nam buôn bán nhiều mặt hàng như lúa gạo, hàng nước ngoài (gồm hàng Trung Quốc, Nhật Bản, phương Tây). Không chỉ những người Việt được gọi là tư sản mới đứng ra tự tổ chức cơ sở kinh doanh mà kể cả những người ít vốn, bằng nhiều cách họ cũng tham gia vào các hoạt động kinh tế, vừa có lợi cho họ vừa có lợi cho đất nước.

#### *Thứ hai, tổ chức liên kết, liên doanh.*

*Liên kết với tư sản nước ngoài*: trong nghề dệt có Lê Phát An, một điền chủ lớn ở Nam kỳ hợp tác với tư bản Pháp mở công ty dệt Dilignon ở Trung kỳ (Phủ Phong – Tây Sơn – Bình Định, với “số vốn 1.775.000 phơ răng” (Nguyễn Công Bình, 1958, tr. 55). Về nông nghiệp, điền chủ kết hợp với người Pháp trong hoạt động mua bán lúa gạo như Trần Văn Kem tham gia Hội nông nghiệp, thương mại và công nghiệp Rạch Giá; Bùi Quang Chiêu, Nguyễn Duy Hình, Trần Văn

Hữu trong “Hội nông nghiệp Pháp – Việt”; Nguyễn Duy Hình tham gia “Công ty nông nghiệp Long – Chiêu”. Bằng nhiều yêu sách thực dân Pháp sử dụng điển chủ người Việt để phục vụ cho hoạt động khai thác kinh tế của họ nhưng về khách quan, điển chủ trong giai đoạn trước và trong Chương trình khai thác thuộc địa lần thứ nhất đã tiếp cận với phương thức kinh doanh theo hướng tư bản chủ nghĩa “ở Nam bộ đế quốc Pháp chủ trương phát triển kinh tế đại địa chủ, ở Trung và Bắc bộ, nơi còn tồn tại nhiều công điền thổ, đế quốc Pháp lại chủ trương duy trì chế độ công điền, duy trì kinh tế địa chủ nhưng không phát triển kinh tế đại địa chủ như ở Nam bộ” (Nguyễn Công Bình, 1959, tr. 64). Trong tài chính, ở Nam kỳ đối tượng ngân hàng cho vay là điển chủ “sau khi đã cấp đất đai cho địa chủ Việt Nam, nhà ngân hàng Đông Dương và bọn tư bản Pháp cho vay lại tung tiền cho địa chủ Việt Nam vay với lãi suất 8 đến 10%. Địa chủ Việt Nam dùng ngay số tiền đó cho nông dân vay lại với lãi suất tối thiểu là 30% để nông dân khai thác những ruộng đất linh canh của chúng. Do biện pháp phát triển đại địa chủ Việt Nam một cách nhân tạo như thế, ruộng đất ở Nam bộ ngày càng tập trung” (Nguyễn Công Bình, 1959, tr. 60), sự liên kết trong tài chính cho vay lấy lãi tạo thế kiềng 3 chân: tư sản Pháp – tư sản người Việt ở Nam kỳ (đại diện là điển chủ) – nông dân, nhưng không phải là mối quan hệ lợi ích cộng sinh giữa ba thành phần mà chỉ có lợi cho tư sản Pháp và điển chủ, còn nông dân trở nên bản cùng hóa với các khoản nợ vay nếu họ không trả được.

*Liên doanh giữa người Việt với người Việt:* phong trào Minh Tân nổi bật với hình thức liên doanh giữa người Việt với người Việt nhằm phát huy tinh thần đoàn kết, khơi dậy tinh thần dân tộc. Về kinh tế, thông qua báo *Nông cổ mín đàm*, Trần Chánh Chiêu kêu gọi, vận động thành lập Nam kỳ Minh Tân công nghệ, ngày 17/6/1908, đại hội công ty được tổ chức gồm 17 người như Trần Văn Bình, Trần Quan Xuân, Nguyễn Tử Thức, Đinh Văn An, Lê Văn Thiển, Lê Văn Chúc, Lê Văn Cửu, Huỳnh Đình Điển,... Thành lập Nam kỳ Minh Tân công nghệ, với đối tượng kêu gọi góp vốn là những điển chủ và hương chức vì họ vừa có thế lực về kinh tế, vừa có ảnh hưởng chính trị nhất định. Hưởng ứng lời kêu gọi của phong trào Minh Tân còn có một số cơ sở kinh doanh dịch vụ khách sạn, ăn uống do những người Việt có vốn góp như Tế Nam khách sạn, Nam Đồng Hương lữ quán. Với sự ra đời của công ty cổ phần và khách sạn do tư sản người Việt góp vốn lập ra bước đầu thể hiện sự đoàn kết, hợp tác kinh doanh và khẳng định chấn hưng kinh tế đưa đất nước phồn thịnh cũng chính là yêu nước. Lĩnh vực in, sau thời gian hoạt động nhà in sách Phát Toán của Đinh Thái Sơn liên kết góp vốn mở rộng với ông Lê Phát An, Lê Văn Nghi làm đại diện “mở ba căn Ấn thơ cuộc tại đường Catinat số 157 và dịch hai chữ “*Đồng Hiệp*” ra tiếng Pháp lấy hiệu *Imprimerie l’Union*” (Vương Hồng Sển, 2004, tr. 243). Năm 1911, tư sản Lê Phát An liên kết với tư sản Pháp mở công ty dệt Dilignon, công ty dệt này có sự tham gia góp vốn của tư sản ở Trung kỳ là Pierre Phương – điển chủ ở Phú Phong (Tây Sơn, Bình Định), để tăng hiệu quả hoạt động và mở rộng sản xuất công ty mở thêm xưởng sản xuất ở Bồng Sơn, Giao Thủy.

#### **4. Một số nhận xét**

*Thứ nhất, tham gia kinh tế nông nghiệp là nổi bật nhất:* Đồn điền được thành lập trước hết ở khu vực miền Đông vì nơi đây phần lớn đất đai đã được khai hóa trước đó, điều kiện dân cư tương đối ổn định đầu thế kỷ XX. Khi chính sách thủy lợi được triển khai, góp phần tăng diện tích đất khai hoang ở miền Tây, từ đó hệ thống đồn điền chuyên sản xuất lúa được hình thành nhiều hơn. Đất đai tập trung vào tay các điển chủ lớn là một thuận lợi góp phần phát



triển kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa “*việc hình thành giai cấp đại điền chủ với những sở hữu ruộng đất rộng lớn ở Nam kỳ là một chủ trương có suy tính của Pháp. Chỉ có hệ thống đại địa chủ cho thuê ruộng đất với địa tô trên 1/2 hoa lợi thu hoạch mới đảm bảo số gạo xuất khẩu*” (Viện KHXH, 1980, tr.63-64). Do vậy, “*tư sản Nam kỳ hầu hết có nguồn gốc xuất thân từ giai cấp địa chủ, thậm chí đồng thời là những chủ đất lớn*” (Phan Huy Lê, 2011, tr. 493).

Thứ hai, hoạt động kinh tế nổi bật và sôi động nhất là phong trào Minh Tân với tư tưởng “*mãi thương*” là trọng tâm: hoạt động kinh tế của các giai tầng trong xã hội sang đầu thế kỷ XX được phát động thành phong trào - phong trào Minh Tân, phong trào không tách rời riêng rẽ các hoạt động kinh tế, xã hội đương thời. Các nhà Minh Tân chú trọng nhất là công cuộc chấn hưng kinh tế nước nhà vì kinh tế góp phần “*phú quốc, cường binh*”. Từ nhận thức đó, họ đi đầu và mạnh dạn kêu gọi người dân Nam kỳ góp vốn buôn bán, nhiều cơ sở kinh tài được thành lập khắp lục tỉnh mà trước đó chưa từng có tiền lệ. Mặc dù, chưa tạo nên sự chuyển biến tư duy đối với toàn xã hội nhưng qua những hoạt động cụ thể, các nhà Minh Tân đã giúp số đông nhận thức về vai trò quan trọng của sản xuất, kinh doanh phục vụ thị trường. Trước Chiến tranh thế giới thứ Nhất, tư sản chưa cấu thành thành một giai cấp nhưng họ góp phần hình thành nên một thành phần kinh tế mới, tạo tiền đề phát triển thành giai cấp từ sau Chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp, từ đó tiếp tục cạnh tranh với tư bản nước ngoài, nêu cao tinh thần dân tộc về tự lực, tự cường.

Thứ ba, bước đầu góp phần hình thành “*triết lý kinh doanh*” của tư sản Việt Nam: đó là các triết lý về những giá trị trong đạo đức kinh doanh: làm giàu chính đáng, cầu thị trong phục vụ người tiêu dùng từ quảng bá, tiếp thị đến nâng cao chất lượng sản phẩm, đóng góp thành quả kinh doanh phục vụ lợi ích cho xã hội, tổ chức hoạt động kinh doanh theo quy định luật pháp đương thời. Phong trào Minh Tân kêu gọi “*người Việt sử dụng hàng Việt*”, “*chấn hưng nội hóa, bài trừ ngoại hóa*” vì sự ủng hộ của người tiêu dùng trong nước đối với các sản phẩm do người Việt sản xuất không chỉ góp phần để cao tinh thần dân tộc mà còn mang lại quyền lợi trực tiếp cho nhà sản xuất. Để được lòng tin người tiêu dùng thì chữ “*tín*” là quan trọng nhất trong sản xuất, trao đổi hàng hóa, vì chữ tín là cơ sở kết nối bền vững trong mối quan hệ giữa người tiêu dùng và nhà tư sản. Báo *Nông cổ mín đàm*, số 53 (ngày 28/8/1902) chỉ ra nguyên nhân người Việt chưa hợp tác trong kinh doanh để chấn hưng thương nghiệp nước nhà là vì thiếu tin tưởng lẫn nhau. Trong nguyên tắc kinh doanh, để sản phẩm đến tận tay người tiêu dùng thì tư sản người Việt còn chú trọng cách tiếp thị sản phẩm: sự buôn bán cần thiết nhất là tên hiệu, các hóa vật của hãng, có tiếng lan rộng đi khắp nơi, xa gần đâu đâu cũng biết, ai ai cũng nhớ. Phong trào Minh Tân thông qua một số tờ báo như *Nông cổ mín đàm*, *Lục tỉnh tân văn* đăng nhiều mẫu quảng cáo tiếp thị sản phẩm kinh tài của phong trào. Hoạt động xuất bản báo chí cũng là hình thức kinh doanh của tư sản thời kỳ Pháp thuộc. Ở Nam kỳ nhiều tờ báo do tư sản lập ra hoặc làm chủ nhiệm, chủ bút, để có nguồn thu ngoài việc bán báo thì nhận đăng thông tin quảng cáo sản phẩm cho các nhà kinh doanh kể cả người dân sẽ tạo nên nguồn thu duy trì hoạt động. Do vậy, các số ra của nhiều tờ báo đều dành một số trang nhất định để quảng cáo thông tin sản phẩm đến người tiêu dùng. Tờ *Nông cổ mín đàm* mặc dù có 8 trang mỗi số ra nhưng đều có mục quảng cáo, giới thiệu các sản phẩm. *Lục tỉnh tân văn* không chỉ giới thiệu hàng hóa sản xuất trong nước mà còn các loại hàng hóa nhập về từ các nước. Việc quảng cáo, tiếp thị sản phẩm của phong trào Minh Tân bước đầu gây sự chú ý đến người

tiêu dùng trong nước và hiệu quả mang lại được ghi nhận. Tư sản người Việt nhận thức được lợi ích của việc quảng bá sản phẩm do họ sản xuất đến với người tiêu dùng và sản phẩm đúng chất lượng với hình ảnh được quảng cáo trở thành một trong những triết lý về đạo đức kinh doanh quan trọng trong giai đoạn phong trào chấn hưng nền thực nghiệp nước nhà cần được sự ủng hộ, đồng lòng của cả dân tộc.

*Thứ tư, luôn bị cạnh tranh, chèn ép bởi tư sản nước ngoài, cụ thể là tư sản người Pháp và người Hoa.* Đây cũng là hạn chế của tư sản người Việt do nguyên nhân chủ quan và khách quan. Các ngành kinh tế mang lại lợi nhuận cao cho tư sản Pháp có rất ít hoặc không có sự tham gia của người Việt. Trường hợp nấu và bán rượu là điển hình cho chính sách độc quyền của thực dân. Trước năm 1898, người dân 3 kỳ được tự do chưng cất rượu nhưng đến năm 1902 ai nấu rượu phải được cấp giấy phép bởi Nha Thương chính và rượu phải bán cho cơ quan hành chính theo giá quy định. Về muối ăn, năm 1903, Công quản muối được thiết lập và bắt buộc dân chúng phải đem toàn bộ số muối sản xuất bán cho chính quyền, sau đó chính quyền sẽ bán lại cho người tiêu thụ với giá cao cộng thêm thuế tính vào mỗi kg muối. Trong hoạt động xuất, nhập khẩu thì sự độc quyền càng thể hiện rõ, từ năm 1887, Pháp thi hành chính sách “đồng hóa thuế quan”, quy định hàng của các công ty Pháp nhập khẩu vào Việt Nam được miễn thuế. Tư sản người Việt ở Nam kỳ trước năm 1914 không tham gia trực tiếp vào hoạt động xuất, nhập cảng hàng hóa lớn mà đóng vai trò trung gian môi giới, phân phối và cung cấp nguyên liệu phục vụ thương mại cho tư bản và chính quyền thực dân. Tư sản người Việt thể hiện sự yếu thế so với tư sản người Hoa, điển hình trong các hoạt động liên quan đến lúa gạo, chính sách của thực dân Pháp là một trong những nguyên nhân quan trọng để người Hoa chiếm lĩnh thị trường lúa gạo vì âm mưu của Pháp là “*xem người Hoa như một công cụ để chế ngự người Việt về mặt kinh tế*” (Phan Huy Lê, 2011, tr. 476). Sự yếu thế trong hoạt động kinh tế của tư sản người Việt ở Nam kỳ so với tư sản nước ngoài là một thực tế lịch sử. Chính vì thế, lòng tự tôn dân tộc đã được tư sản người Việt ở Nam kỳ khơi gợi phát động thành phong trào những năm đầu thế kỷ XX và sự thành, bại được quyết định bởi chính người bản xứ.

## 5. Kết luận

Tư sản người Việt ở Nam kỳ những năm cuối thế kỷ XIX đến thập niên đầu thế kỷ XX tham gia hoạt động kinh tế khá nhiều trên các lĩnh vực, với các phương thức tổ chức đa dạng nhưng mức độ về đầu tư vốn, quy mô cơ sở sản xuất còn khiêm tốn nếu so với tư sản Pháp, Hoa kiều đương thời. Đây là đặc điểm cũng là hạn chế chung của tư sản người Việt trước năm 1914, do nhiều nguyên nhân: Thứ nhất, xuất phát từ chính sách cai trị của thực dân Pháp là kiểm hãm kinh tế thuộc địa; Thứ hai, hệ thống thuế khóa nặng nề mà thực dân áp dụng từ sau khi chiếm 3 tỉnh miền Đông Nam kỳ đã tác động đến tất cả các giai tầng trong xã hội thuộc địa; Thứ ba, thành phần tư sản người Việt ở Nam kỳ với nguồn gốc xuất thân khác nhau, quyền lợi khác nhau, trong mối quan hệ với tư bản, thực dân Pháp cũng khác nhau nên chưa tập hợp thành một giai cấp với quan điểm, tư tưởng và quyền lợi thống nhất. Do vậy, trong hoạt động kinh tế thường mang tính riêng lẻ nên cơ hội hợp tác, giúp đỡ, mở rộng sản xuất kinh doanh khá khiêm tốn và đây chính là nhược điểm, tư duy “*tiểu nông*” của đa phần người Việt mà khi phong trào Minh Tân phát động đã hướng đến xóa bỏ tư duy này.

### Tài liệu tham khảo

- Capus Guillaume. (1918). *Les riz d'Indochine*. In: *Annales de Géographie*, t.27, n°145, tr. 25-42.
- Lê Quốc Sử. (1999). *Một số vấn đề về lịch sử kinh tế Việt Nam*. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội.
- Nguyễn Công Bình. (1958). Tình hình và đặc tính của giai cấp tư sản Việt Nam. *Tạp san Nghiên cứu Văn Sử Địa*, số 43, tr. 40 – 64.
- Nguyễn Công Bình. (1959). Chủ nghĩa đế quốc với vấn đề ruộng đất Việt Nam. *Nghiên cứu lịch sử*, số 1, tr. 56 – 70.
- Nguyễn Đình Tư. (2016). *Chế độ thực dân Pháp trên đất Nam kỳ (1859 – 1954)*, tập 2. Nxb Tổng hợp. Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Thế Anh. (2008). *Việt Nam dưới thời Pháp đô hộ*. Nxb Văn học. Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Thị Ánh. (2017). *Văn hóa kinh doanh của doanh nhân Việt Nam đầu thế kỷ XX*. Luận án tiến sĩ ngành Văn hóa học. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Hà Nội.
- Nguyễn Văn Trung. (2015). *Hồ sơ lục châu học. Tìm hiểu con người ở vùng đất mới. Dựa vào tài liệu văn. Sử bằng Quốc ngữ ở miền Nam từ 1865 – 1930*. Nxb Trẻ. Thành phố Hồ Chí Minh.
- Phạm Quang Trung. (1997). *Lịch sử tín dụng nông nghiệp Việt Nam (1875 – 1945)*. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội.
- Phan Huy Lê. (2011). *Quá trình hình thành và phát triển vùng đất Nam Bộ*. Đề án Khoa học xã hội cấp Nhà nước. Hà Nội.
- Sơn Nam. (2015). *Phong trào Duy Tân ở Bắc Trung Nam, Miền Nam đầu thế kỷ XX. Thiên Địa hội và cuộc Minh Tân*. Nxb Trẻ. Thành phố Hồ Chí Minh.
- Tạ Thị Thúy. (2013). Nền kinh tế thương nghiệp của Việt Nam những năm đầu thế kỷ XX. *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử*, số 6, tr. 26 – 32.
- Trần Minh Thuận. (2018). *Kinh tế đồn điền ở miền Tây Nam kỳ nửa đầu thế kỉ XX*. Luận án tiến sĩ Lịch sử Việt Nam, mã số 9.22.90.13. Trường Đại học sư phạm Hà Nội.
- Văn Tạo. (1990). Chúng ta kế thừa di sản nào - từ bỏ di sản nào ở nông thôn Việt Nam. *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử*, số 1(248), tr. 1 – 51.
- Vũ Huy Phúc. (1986). Thái độ của thực dân Pháp đối với vấn đề ruộng đất ở Nam Kỳ vào nửa cuối thế kỷ XIX. *Nghiên cứu lịch sử*, số 6, tr. 27 – 37 và tr. 77.
- Vương Hồng Sển. (2004). *Sài Gòn năm xưa*. Nxb Đồng Nai.